

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2025/DS-ST

Ngày: 17 - 3 - 2025

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng

Ông D2ên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 824/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thế M, sinh năm 1959; Cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Ngô Thị D1 (Vắng mặt);

Ông Ngô Minh D2 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Thế M trình bày:

Ông là chủ hui nhiều năm ở địa phương, vợ chồng ông Ngô Minh D2, bà Ngô Thị D1 có tham gia hui và nợ tiền cụ thể như sau:

- Dây hui mở ngày 21/4/2021 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, gồm 25 phần; vợ chồng ông D2 tham gia 01 phần và hót hui ở kỳ thứ 6, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 36.170.000 đồng (Ông có nộp biên nhận nhận tiền kèm theo); sau khi hót hui, vợ chồng ông D2 đóng được 20 kỳ hui chết, còn nợ lại 05 kỳ hui chết không đóng bằng số tiền 10.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 5 kỳ). Dây hui này đã mãn vào ngày 21/4/2023 âm lịch.

- Dây hui mở ngày 21/4/2021 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, gồm 22 phần; vợ chồng ông D2 tham gia 01 phần và hót hui ở kỳ thứ 3, sau khi trừ tiền hoa

hồng còn thực nhận số tiền 15.500.000 đồng (Ông có nộp biên nhận nhận tiền kèm theo); sau khi hốt hui, vợ chồng ông D2 đóng được 20 kỳ hui chết, còn nợ lại 02 kỳ hui chết không đóng bằng số tiền 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 2 kỳ). Dây hui này đã mãn vào ngày 21/01/2023 âm lịch.

- Dây hui mở ngày 16/02/2022 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng, gồm 26 phần (Dây A); vợ chồng ông D2 tham gia 02 phần; hốt hui ở kỳ thứ 1, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 35.250.000 đồng (Ông có nộp biên nhận nhận tiền kèm theo); hốt hui ở kỳ thứ 3, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 36.350.000 đồng (Ông có nộp biên nhận nhận tiền kèm theo); sau khi hốt hui, vợ chồng ông D2 đóng được 12 kỳ hui chết, còn nợ lại 14 kỳ hui chết không đóng bằng số tiền 56.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 14 kỳ x 02 phần). Dây hui này đã mãn vào ngày 16/02/2024 âm lịch.

- Dây hui mở ngày 16/02/2022 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng, gồm 29 phần (Dây B); vợ chồng ông D2 tham gia 02 phần; hốt hui ở kỳ thứ 1, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 14.900.000 đồng (Ông có nộp biên nhận nhận tiền kèm theo); hốt hui ở kỳ thứ 6, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 21.290.000 đồng (Ông có nộp biên nhận nhận tiền kèm theo); sau khi hốt hui, vợ chồng ông D2 đóng được 12 kỳ hui chết, còn nợ lại 17 kỳ hui chết không đóng bằng số tiền 34.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 17 kỳ x 02 phần). Dây hui này đã mãn vào ngày 16/5/2024 âm lịch.

Như vậy, tổng số tiền hui chết vợ chồng ông D2 còn nợ là 102.000.000 đồng, đến nay chưa trả cho ông. Do số tiền 20.000.000 đồng là khoản tiền hui mà những lần đóng hui vợ chồng ông D2 không đủ tiền đóng nên ông cho nợ lại, tuy nhiên việc nợ tiền này không có tài liệu gì để chứng minh, do đó ông không tiếp tục yêu cầu theo đơn khởi kiện. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông D2 trả cho ông số tiền hui chết của 04 dây hui nêu trên là 102.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Ngô Minh D2, bà Ngô Thị D1: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông D2, bà D1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng ông D2, bà D1 không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D2, bà D1 đối với yêu cầu khởi kiện của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn ông Ngô Minh D2, bà Ngô Thị D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D2, bà D1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thế M về việc đòi bị đơn ông Ngô Minh D2, bà Ngô Thị D1 trả nợ hội số tiền 102.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn ông M cung cấp các tài liệu, chứng cứ bao gồm danh sách hùn vốn, sổ hội, biên nhận giao tiền, thể hiện:

Ông M làm chủ hội, vợ chồng ông D2, bà D1 đã tham gia các dây hội, cụ thể như sau:

- Dây hội mở ngày 21/4/2021 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, gồm 25 phần; vợ chồng ông D2 tham gia 01 phần và hốt hội ở kỳ thứ 6, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 36.170.000 đồng (Có biên nhận nhận tiền kèm theo); sau khi hốt hội, vợ chồng ông D2 đóng được 20 kỳ hội chết, còn nợ lại 05 kỳ hội chết bằng số tiền 10.000.000 đồng. Dây hội đã mãn vào ngày 21/4/2023 âm lịch.

- Dây hội mở ngày 21/4/2021 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, gồm 22 phần; vợ chồng ông D2 tham gia 01 phần và hốt hội ở kỳ thứ 3, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 15.500.000 đồng (Có biên nhận nhận tiền kèm theo); sau khi hốt hội, vợ chồng ông D2 đóng được 20 kỳ hội chết, còn nợ lại 02 kỳ hội chết bằng số tiền 2.000.000 đồng. Dây hội đã mãn vào ngày 21/01/2023 âm lịch.

- Dây hội mở ngày 16/02/2022 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, gồm 26 phần (Dây A); vợ chồng ông D2 tham gia 02 phần; hốt hội ở kỳ thứ 1, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 35.250.000 đồng (Có biên nhận nhận tiền kèm theo); hốt hội ở kỳ thứ 3, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 36.350.000 đồng (Có biên nhận nhận tiền kèm theo); sau khi hốt hội, vợ chồng ông D2 đóng được 12 kỳ hội chết, còn nợ lại 14 kỳ hội chết bằng số tiền 56.000.000 đồng. Dây hội đã mãn vào ngày 16/02/2024 âm lịch.

- Dây hội mở ngày 16/02/2022 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, gồm 29 phần (Dây B); vợ chồng ông D2 tham gia 02 phần; hốt hội ở kỳ thứ 1, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 14.900.000 đồng (Có biên nhận nhận tiền kèm theo); hốt hội ở kỳ thứ 6, sau khi trừ tiền hoa hồng còn thực nhận số tiền 21.290.000 đồng (Có biên nhận nhận tiền kèm theo); sau khi hốt hội, vợ chồng ông D2 đóng được 12 kỳ hội chết, còn nợ lại 17 kỳ hội chết bằng số tiền 34.000.000 đồng. Dây hội đã mãn vào ngày 16/5/2024 âm lịch.

Ông M xác định vợ chồng ông D2 còn nợ tiền hội chết ở các dây hội nêu trên là 102.000.000 đồng. Ông M đã trần hội cho vợ chồng ông D2 xong nên nay yêu cầu vợ chồng ông D2 trả lại số tiền này.

Bị đơn ông D2, bà D1 không tham dự phiên tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do bị đơn ông D2, bà D1 không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn ông M đưa ra nên ông M không phải chứng minh. Như vậy, việc ông D2, bà D1 còn nợ ông M số tiền 102.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, do đó cần buộc ông D2, bà D1 trả cho ông M là phù hợp.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông D2, bà D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 5.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thế M.

Buộc ông Ngô Minh D2 và bà Ngô Thị D1 trả cho ông Phạm Thế M số tiền 102.000.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

2. Về án phí:

- Ông Ngô Minh D2 và bà Ngô Thị D1 phải chịu án phí số tiền 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng), chưa nộp.

- Ông Phạm Thế M không phải chịu án phí. Đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Thế M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Ngô Minh D2, bà Ngô Thị D1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà